

Số: 63/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Điều 1. Sửa đổi một số mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán như sau

1. Thay thế mẫu biểu số: 04/QTNĐ kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán bằng mẫu biểu số: 04/QTNĐ kèm theo Thông tư này.

2. Thay thế mẫu biểu số: 08/QTNĐ kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ

thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán bằng mẫu biểu số: 08/QTND kèm theo Thông tư này.

3. Thay thế mẫu biểu số: 12/QTDA kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán bằng mẫu biểu số: 12/QTDA kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Thay thế một số cụm từ của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán như sau

Thay thế cụm từ “*cơ quan kiểm soát, thanh toán*” bằng cụm từ “*cơ quan thanh toán*” tại các mẫu biểu số: 01/QTND, 06/QTND, 07/QTND, 03/QTDA, 15/QTDA.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Kiểm toán Nhà nước và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ DT(180)3

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Thành Trung

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

[illegible]

Số TT	Nội dung	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giám trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ...	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
				Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
									Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng	Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16=17+18	17	18	19	20	21=8+11+17	22=6-7-8+12+18	23=5-7+18+19
2.2.1	Chương trình MTQG...																					
	Dự án																					
	Vốn trong nước																					
	Vốn nước ngoài, trong đó:																					
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																					
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																					
2.2.2	Chương trình MTQG ...																					
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																					
	Nguồn vốn																					
	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực)																					
	Dự án																					

Ghi chú:

- Sở Tài chính báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016.
- Đối với báo cáo của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính, cơ quan thanh toán cấp trung ương theo quy định của điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư này thì bỏ phần xác nhận của Lãnh đạo cơ quan thanh toán cùng cấp.
- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN CẤP CÙNG CẤP
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN BÁO CÁO
 (Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

(Kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

Số TT	Nội dung	Mã dự án	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán					Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán					Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm ...	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán		
			Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
								Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng			Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13=8-9-12	14	15=16+17	16	17	18	19=14-15-18	20=7+10+16	21=5-6-7+11+17	22=4-6+9+15
	Vốn trong nước																				
	Vốn nước ngoài, trong đó:																				
	- Giải ngân theo cơ chế ghi thu, ghi chi																				
	- Giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																				
b.3	Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao																				
l	Ngành, lĩnh vực (mã ngành, lĩnh vực) ...																				
	Nguồn vốn																				
	Dự án ...																				

Ghi chú:

- Cơ quan thanh toán báo cáo ngành, lĩnh vực theo đúng thứ tự quy định tại Điều 3 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016.

- Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao là vốn bổ sung từ nguồn dự phòng, tăng thu.

..., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THANH TOÁN
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 12/QTDA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /...- BCQTDA

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo tình hình quyết toán
vốn đầu tư công dự án hoàn thành
năm ...

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; ... *(tên bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)* báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm ... như sau:

1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm báo cáo *(chi tiết theo biểu đính kèm)*.

2. Tồn tại, vướng mắc trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: ...

3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương		Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương				Tổng số	Trong đó: ngân sách trung ương
1	2	3=4+12	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	
2	Dự án do cấp xã quản lý																	
a	Phê duyệt																	
b	Thẩm tra																	
c	Chưa nộp hồ sơ quyết toán																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên hệ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Ghi chú**
- Số liệu báo cáo của đơn vị được tổng hợp từ tất cả các dự án đầu tư công (gồm nhiệm vụ, dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt riêng) hoàn thành do đơn vị mình quản lý. Không tổng hợp báo cáo công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.
 - Ở địa phương, báo cáo gồm tất cả các dự án đầu tư công hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh (gồm cả dự án nhận bàn giao từ cấp huyện) và cấp xã (gồm cả dự án nhận bàn giao từ cấp huyện). UBND cấp xã tổng hợp toàn bộ dự án đầu tư công hoàn thành do mình quản lý gửi cơ quan giao chủ trì tổng hợp báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.
 - Cột 10 và cột 18: Chỉ báo cáo vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí.
 - Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính.

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...)

[illegible]

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương			Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó ngân sách trung ương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													
II	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													
III	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán												
1	Dự án...												
2	Dự án...												
3	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia												
3.1	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.2	Chương trình mục tiêu quốc gia.....												
3.3													

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên hệ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo của đơn vị được tổng hợp từ tất cả các dự án đầu tư công (gồm nhiệm vụ, dự án, dự án thành phần, tiểu dự án hoàn thành có quyết định phê duyệt riêng) có sử dụng một phần hoặc toàn bộ vốn ngân sách trung ương hoàn thành do đơn vị mình quản lý. Không tổng hợp báo cáo công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành.
- Ở địa phương, báo cáo gồm tất cả các dự án đầu tư công hoàn thành thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh (gồm cả dự án nhận bàn giao từ cấp huyện) và cấp xã (gồm cả dự án nhận bàn giao từ cấp huyện). UBND cấp lý gửi cơ quan giao chủ trì tổng hợp báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công.
- Các dự án hoàn thành thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia: Chỉ báo cáo tổng số dự án có sử dụng (một phần hoặc toàn bộ) vốn ngân sách trung ương, theo từng Chương trình.
- Cột 3: Các dòng theo số thứ tự I, II, III và 3 ghi tổng số dự án; các dòng theo số thứ tự 1, 2 ghi chi tiết nhóm dự án (quan trọng quốc gia, A, B, C).
- Các bộ, cơ quan trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm do đơn vị mình quản lý đến Bộ Tài chính.
- Danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương theo đúng danh mục dự án được cấp thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 05 năm.